VIỆT NAM 1:50,000

MƯỜNG HUNG

SỐ HIỆU 5750 I
LOẠI L7014

CHÚ-TỪ

Trên bản đồ này một lòi XE ĐI đã được coi như rộng ít nhất là 2,4 mét.

Rừng rậm hay rừng già chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% lập thành vòm cây kín và phía dưới rừng không thể qua lại được. Rừng thưa chỉ rừng cây bao phủ mặt đất trên 25% lập thành vòm cây kín và phía dưới rừng có thể qua lại được. Thảo mộc phân loại theo không ảnh

ĐƯỜNG SÁ

- Đường tráng nhựa, có hai hay trên hai lối xe đi — 3 LỐI XE ĐI
- Đường cán đá hay tráng mỏng, có hai hay trên hai lối xe đi — 3 LỐI XE ĐI
- Đường tráng nhựa, có một lối xe đi
- Đường cán đá hay tráng mỏng, có một lối xe đi
- Đường đất
- Đường dùng khai-khẩn
- Đường mòn, đường bộ-hành

ĐƯỜNG XE LỬA

- Loại đường thường, một đường, rộng 1 mét; Ga, trạm
- Loại đường thường, hai đường
- Loại đường hẹp, một đường
- Điểm trắc-địa
- Cao-độ tính ra mét; Đã được kiểm lại; Chưa được kiểm lại — ×729 ×729
- Kênh hay mương đào: Rộng dưới 18 mét; Rộng trên 18 mét

- Nhà thờ; Thập-tự; Trường học
- Đền, miếu; Chùa; Am
- Nghĩa-địa
- Sân bay; Đăng quanh năm; Từng mùa
- Ranh giới Quốc-gia
- Ranh giới Tỉnh
- Ranh giới huyện
- Đường đắp
- Bờ đắp; Tường
- Cát
- Tên vùng hay địa-điểm — HAO LỒNG
- Hồ hay ao; Có nước quanh năm; Từng mùa
- Đập xây; Đập đất
- Ruộng lúa; Đồng lầy
- Đất có thể lụt

- Thôn-thị
- Làng
- Rừng hay bụi rậm
- Đồn-điền
- Dừa nước; Cây bần
- Cầu
- Cầu nhỏ
- Phà
- Chỗ lội qua
- Ghềnh chảy mạnh
- Thác lớn
- Thác nhỏ — Falls

Tỷ-lệ 1:50,000

1000 500 0 1000 2000 3000 4000 Mét

KHOẢNG CÁCH ĐỀU ĐƯỜNG BÌNH ĐỘ CƠ BẢN LÀ 20 MÉT

KHỞI ĐẦU DỌC ..... *E-VE-REST*
Ô VUÔNG ..... *UTM TỪNG 1000 MÉT; KHU HÌNH THOI 48 (NHỮNG ĐƯỜNG CÓ GHI SỐ ĐEN);*

HỆ THỐNG CHIẾU ..... *U.T.M.*
HỆ THỐNG ĐỘ CAO ..... *MẶT BIỂN TRUNG BÌNH TẠI HÀ TIÊN*
HỆ TỌA ĐỘ ..... *HỆ THỐNG TRẮC CẦU ẤN ĐỘ 1960*

MỆNH-DANH BẢN-ĐỒ TRONG KHU KẺ Ô

48Q

CHỈ-ĐỊNH Ô VUÔNG TỪNG 100.000 M.

UJ
UH
2300

Những con số nhỏ chỉ đúng để ghi những tọa độ toàn bộ. Chỉ đúng những con SỐ LỚN của số hiệu ô kẻ vuông.
Thí dụ: 229 5000

PHƯƠNG-PHÁP TÌM TỌA-ĐỘ TỪNG TRĂM MÉT CHO MỘT ĐỊA-ĐIỂM TRONG BẢN-ĐỒ

THÍ DỤ: NGA BA SONG

1. Ghi chữ chỉ-định ô vuông từng 100.000 mét của địa-điểm muốn tìm tọa-độ: UJ
2. Lấy đường ô vuông kẻ DỌC đầu tiên ở phía TRÁI địa-điểm. Đọc con SỐ LỚN của số hiệu ghi phía trên hay phía dưới bản-đồ hay ghi ngay trên đường ô vuông đó: 82
   Ước lượng xem được bao nhiêu phần mười từ đường kẻ đọc đến địa-điểm: 8
3. Lấy đường ô vuông KẺ NGANG đầu tiên ở phía DƯỚI địa-điểm. Đọc con SỐ LỚN của số hiệu ghi bên trái hay bên phải bản-đồ hay ghi ngay trên đường ô vuông đó: 12
   Ước lượng xem được bao nhiêu phần mười từ đường kẻ ngang đến địa-điểm: 6

THÍ DỤ: UJ 828126

Nếu phải liên-lạc với một địa-điểm cách xa quá 9° Bắc-Nam hay 18° Đông-Tây, hãy ghi ở đằng trước mệnh-danh khu kẻ ô: 48QUJ 828126

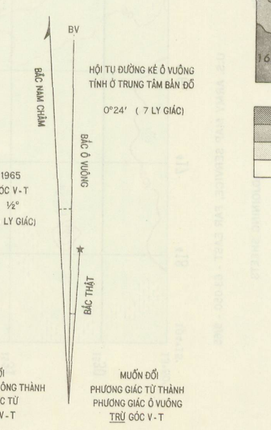

CHỈ DẪN ĐỘ CAO

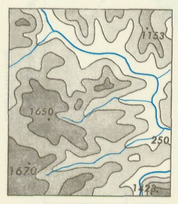

- CAO NHẤT
- CAO
- TRUNG BÌNH
- THẤP

BẢNG RANH GIỚI HÀNH CHÁNH

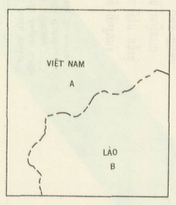

Việt Nam
A. Tỉnh Sơn La
Lào:
B. Khouèng Houa Phan (Samneua)

BẢNG CHẮP

5751 III	5751 II	5851 III
5750 IV	5750 I	5850 IV
5750 III	5750 II	5850 III

L7015 L7015

Số hiệu 5750 I thuộc tờ số 1501Q, NF 48-14, 1:250,000.

CỤC BẢN ĐỒ BỘ TỔNG THAM MƯU QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM
IN THÁNG 5 NĂM 1979. CHỈNH LÝ THEO BẢN ĐỒ 1:100.000 UTM IN NĂM 1978.

MƯỜNG HUNG, VIỆT NAM; LÀO